

Bản án số: 13/2018/HS-ST

Ngày: 20/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ -TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đình Lộc và Ông Trương Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Dung, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Đức Lâm, Kiểm sát viên.

Hôm nay, vào hồi 08 giờ, ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở- Toà án nhân dân huyện Thạch Hà mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, Sinh ngày 09/8/1998; Giới tính: Nam.

Tại Xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Thôn Đ, Xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

Hai ông bà hiện sinh sống tại Xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Anh, chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con đầu trong gia đình.

Vợ, con: Chưa có.

*Tiền sự: Không.

*Tiền án: Có 1 tiền án.

- Tại Bản án số 09/2018/HS- ST, ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

*Nhân thân: Ngày 22/12/2016 bị Công an phường Nguyễn Du, thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích” bằng hình thức “Cảnh cáo”.

*Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/01/2018 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:**

Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976; Nghề nghiệp: Lao động tự do (*Có mặt*).

Trú tại: Thôn Đ, Xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Anh **Đặng Hồng L**, sinh năm 1982. (*Có mặt*).

Trú tại: Tổ dân phố 15, Phường B, thành phố T, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 25/01/2018, Nguyễn Hữu T lợi dụng trong lúc không có ai ở nhà nên đã đi vào phòng ngủ của bố mẹ thì thấy cửa phòng khóa nên đã đi ra phía sau cửa sổ với mục đích là đột nhập vào phòng ngủ để lấy trộm tài sản. Khi thấy cửa sổ đóng T đã dùng tay kéo và giật cánh cửa ra, nhưng vẫn không vào được vì bên trong có song cửa. T liền đi xuống bếp lấy một con dao rựa rồi dùng dao chặt đứt song cửa sổ thứ 02 và 03, sau đó luồn người chui qua khoảng trống cửa sổ vào trong phòng ngủ. Khi vào phòng ngủ, T đi lại vị trí đặt kết sắt, dùng tay dịch chuyển kết sắt ra một đoạn rồi lấy chiếc máy khoan điện có sẵn ở trong phòng ngủ để phá kết sắt. Tiếp đó, T dùng máy khoan và khoan thủng một lỗ nhỏ phía góc bên phải mặt sau của kết sắt, nhưng vẫn không phá được kết. T liền đi đến kho chứa đồ lấy một chiếc máy cắt kim loại và một con dao rựa, rồi tiếp tục dùng máy cắt, cắt nhiều nhát vào mặt sau của kết sắt đồng thời dùng dao rựa cạy tấm sắt ra. Khi thấy phía trong có một lớp bê tông, T tiếp tục dùng dao chọc vỡ lớp bê tông, rồi dùng máy tiếp tục cắt thêm một lớp kim loại nữa. Khi thấy bên trong kết sắt có hai chiếc phong bì và một số tiền mặt, T lấy hai chiếc phong bì cùng số tiền đặt ở phía trên phong bì ra. Kiểm tra thấy bên trong hai chiếc phong bì đều đựng tiền nên T đã lấy tiền bỏ gộp lại trong một phong bì rồi bỏ vào túi quần và chui qua cửa sổ đi ra ngoài.

Sau khi lấy trộm được tiền, T đón xe taxi đi vào thành phố T, trên đường đi T đưa toàn bộ số tiền vừa lấy trộm được ra đếm thì thấy được tổng cộng là 15.800.000 đồng, các tờ tiền gồm nhiều mệnh giá khác nhau. Khi vào đến thành phố T thì T điện thoại cho anh Đặng Hồng L (*do trước đó anh L có đăng bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu đỏ, biển kiểm soát 43X4-0705 trên mạng xã hội kèm theo số điện thoại*) để hỏi mua chiếc xe mô tô trên thì anh L hướng dẫn địa chỉ nhà cho T đến xem. Sau khi xem xe hai bên thống nhất mua, bán với giá 13.000.000 đồng, T trả tiền và anh L giao xe cùng giấy đăng ký xe cho T. Số tiền còn lại T đã tiêu xài cá nhân hết 2.110.000 đồng, còn lại 690.000 đồng đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng thu giữ bao gồm: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 690.000 đồng; 01 khúc gỗ dài 40cm, đường kính 2,5cm; 01 khúc gỗ dài 39,5cm, đường kính 2,5cm; 01 túi ni lông màu đỏ, bên trong có chứa nhiều mảnh vụn bê tông; 01 máy cắt kim loại; 01 máy khoan, nhãn hiệu BOSCH; 01 con dao rựa làm bằng kim loại có chiều dài 46,5cm; 01 con dao rựa làm bằng kim loại có chiều dài 41cm; 01 chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp; 01 chiếc phong bì màu trắng; 01 chiếc điện thoại Nokia màu xanh, bên trong có gắn thẻ sim 01263665011; 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 0055030 biển kiểm soát 43X4-0705 mang tên Đăng Huy H; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 43X4-0705 có số khung BE12B-TH309846, số máy E107-TH309846.

Đến ngày 01/02/2018 và ngày 14/3/2018, xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình điều tra, truy tố, xét xử nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà đã trả lại cho chủ sở hữu số tài sản gồm: 690.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 chiếc phong bì màu trắng; 01 chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp đã bị hư hỏng; 01 máy cắt kim loại; 01 máy khoan nhãn hiệu BOSCH; 01 con dao rựa làm bằng kim loại có chiều dài 46,5cm; 01 con dao rựa làm bằng kim loại có chiều dài 41cm.

Số vật chứng còn lại đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Hà quản lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại số tài sản trên chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKSTH, ngày 29/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố, đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân bị cáo và đề nghị HĐXX: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T mức án từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt với 12 tháng tù tại bản án số 09/2018/HS-ST, ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T mức án từ 24 đến 27 tháng tù giam. Về trách nhiệm dân sự người bị hại không có yêu cầu nên miễn xét. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS truy thu từ bị cáo T số tiền 2.110.000đ do phạm tội mà có, đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki sau khi hết thời hạn thông báo tìm kiếm mà không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu T chiếc điện thoại Nokia, còn các vật chứng không còn giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy. Về án phí bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu T không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát và thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng.

Người bị hại chị Nguyễn Thị H không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đặng Hồng L trình bày anh là người đã bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, gắn biển kiểm soát 43X4-0705 có số khung BE12B-TH309846, số máy E107-TH309846 cho Nguyễn Hữu T với giá 13.000.000 đồng. Chiếc xe mô tô này được anh L mua lại của một người không quen biết tại thành phố T vào khoảng tháng 8/2012 để sử dụng từ đó đến nay. Khi mua anh L không làm giấy tờ mua bán và không biết chiếc xe đã bị cắt hàn thay thế số khung, số máy của chiếc xe mô tô khác cũng như giấy đăng ký xe là giả. Khi bán xe, anh L không biết số tiền mà Nguyễn Hữu T dùng để mua xe là do trộm cắp mà có. Vì thế, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Đặng Hồng L.

Còn việc mua bán xe giữa Nguyễn Hữu T và Đặng Hồng L thì hiện nay bị cáo không có yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa anh L không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nên miễn xét.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Kính thưa Hội đồng xét xử, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Hữu T khai nhận, vào ngày 25/01/2018 bị cáo đã đột nhập và phòng ngủ của gia đình rồi dùng các công cụ như: dao rựa, máy khoan, máy cắt để phá kết sắt lấy trộm số tiền 15.800.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ

quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với vật chứng thu giữ được.

Bị cáo Nguyễn Hữu T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Như vậy, đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Khẳng định quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà đối với bị cáo Nguyễn Hữu T là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan sai.

[3]. Xem xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu T là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Bị cáo là một thanh niên mới lớn, tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu khó làm ăn mà lại sa đà vào các tệ nạn xã hội. Với bản tính lười lao động, chỉ muốn ăn chơi hưởng thụ, vì thế dễ có tiền tiêu xài phục vụ nhu cầu của bản thân bị cáo đã bất chấp tất cả để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người có nhân thân xấu vào ngày 22/12/2016 bị Công an phường Nguyễn Du, thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích” bằng hình thức Cảnh cáo, đến ngày 11/12/2017, bị cáo lại tiếp tục bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” và đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm xương máu cho bản thân mà lại ngựa quen đường cũ tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo không những làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn mà còn gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt thật nghiêm, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn, tại phiên tòa người bị hại đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Về tổng hợp hình phạt: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HSST, ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt của 2 bản án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy rằng bị cáo Nguyễn Hữu T không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp ổn định, vì vậy không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về khoản tiền thu lợi bất chính: Đối với khoản tiền 2.110.000đ mà bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu sung công quỹ Nhà nước.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay người bị hại chị Nguyễn Thị H trình bày hiện tại gia đình đã nhận lại một số tài sản và có đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường các thiệt hại mà bị cáo đã gây ra. Về hình phạt đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[9]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xác định các tài sản sản gồm: 690.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 chiếc phong bì màu trắng; 01 chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp đã bị hư hỏng; 01 máy cắt kim loại; 01 máy khoan nhãn hiệu BOSCH; 01 con dao rựa làm bằng kim loại có chiều dài 46,5cm; 01 con dao rựa làm bằng kim loại có chiều dài 41cm là của anh Đặng Hữu Linh và chị Nguyễn Thị H nên ngày 01/02/2018 và ngày 14/3/2018 đã trả lại các tài sản này cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, gắn biển kiểm soát 43X4- 0705 mà bị cáo T đã mua của anh Đặng Hồng L quá trình điều tra xác định chiếc xe này do anh L mua của một người không quen biết, khi mua các bên cũng không làm thủ tục sang tên nên ngày 31/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà đã ra Quyết định trưng cầu giám định số khung, số máy. Tại bản kết luận giám định số 16/PC54-KTHS, ngày 02/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận: Vị trí đóng số khung, số máy có dấu vết cắt hàn và đây là số khung, số máy nguyên thủy của một xe mô tô khác. Số khung, số máy nguyên thủy của xe mô tô gửi đến giám định không khôi phục được, không xác định được nguồn gốc của chiếc xe mô tô này. Còn giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0055030, biển kiểm soát 43X4-0705 mang tên Đặng Huy H là giấy tờ giả. Vì thế, nên chưa xác định được chủ sở hữu, vậy cần áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Điều 228 Bộ luật Dân sự: Xác định sau 01 năm, kể từ ngày thông báo tìm kiếm công khai (ngày 03/02/2018) mà không xác định được ai là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe mô tô nêu trên thì sung quỹ Nhà nước. Còn chiếc điện thoại Nokia màu xanh, bên trong gắn thẻ sim Mobilphone có số điện thoại 01263665011 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Các vật chứng khác không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56 BLHS: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hữu T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T 14** (*Mười bốn*) tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt **12** (*Mười hai*) tháng tù tại Bản án số 09/2018/HS-ST, ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **26** (*Hai mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 27/01/2018.

[2]. Về áp dụng các biện pháp tư pháp:

*Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS truy thu sung công quỹ Nhà nước từ bị cáo Nguyễn Hữu T số tiền 2.110.000đ (*Hai triệu một trăm mười nghìn đồng*) tiền do phạm tội mà có;

*Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (Một) khúc gỗ có chiều dài 40cm, đường kính 2,5cm; 01(Một) khúc gỗ có chiều dài 39,5cm, đường kính 2,5cm; 01(Một) túi ni lông màu đỏ bên trong có chứa nhiều mảnh vụn bê tông; 01(Một) giấy đăng ký xe mô tô mang tên Đặng Duy Hùng số 0055030.

*Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu T một điện thoại Nokia màu xanh, số IMEI 357876056057104, bên trong gắn thẻ sim Mobilphone có số điện thoại 01263665011;

*Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS, Điều 228 Bộ luật Dân sự: Xác định sau 01 năm, kể từ ngày thông báo tìm kiếm công khai (ngày 03/02/2018) mà không xác định được ai là chủ sở hữu hợp pháp thì sung quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, gắn biển kiểm soát 43X4-0705 có số khung BE12B-TH309846; số máy E107-TH309846.

(*Đặc điểm, tình trạng tang vật có tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/3/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Hà và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh*)

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Công an huyện Thạch Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Hà;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA+VT.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Hoàn